

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 27-01-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 10, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị B trình bày:

Chị B và anh K tự nguyện về chung sống với nhau năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, hai vợ chồng không có sự lo lắng cho nhau. Mâu thuẫn kéo dài khiến hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không còn sống chung với nhau nữa. Chị B yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị B và anh K có 02 người con tên Vũ Tuấn A – sinh năm 2000 và Vũ Thị Ánh T, sinh năm 2003. Khi ly hôn, chị B

yêu cầu được nuôi con chung Vũ Thị Ánh T và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Vũ Tuấn A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị B khai trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản lấy lời khai ngày 08/12/2020 và lời khai tại buổi hòa giải ngày 08/12/2020, anh Vũ Văn K trình bày:

Anh K và chị B kết hôn năm 1999 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Hai vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng vẫn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và đã không còn sống chung với nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay. Chị B yêu cầu ly hôn thì anh K không đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị B và anh K có 02 người con tên Vũ Tuấn A – sinh năm 2000 và Vũ Thị Ánh T, sinh năm 2003. Trường hợp ly hôn thì anh K đồng ý để chị B được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Ánh T.

Tài sản chung: hai vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc ly hôn với anh K, giao con chung Vũ Thị Ánh T cho chị B nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn K cư trú tại tổ 10, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh K và chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh K vắng mặt không có lý do, chị B có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh K, chị B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị B thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các bên tại biên bản hòa giải ngày 08/12/2020 thấy rằng: chị B và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương vào năm 2001. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khiến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay, chị B và anh K đã không còn sống chung với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mặc dù anh K không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể giải quyết, cả hai không còn sống chung, không quan tâm đến nhau, thấy rằng mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B về việc ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị B và anh K có 02 người con tên Vũ Tuấn A – sinh năm 2000 và Vũ Thị Ánh T, sinh năm 2003. Khi ly hôn, chị B yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thị Ánh T, anh K đồng ý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên nên cần chấp nhận.

Đối với con chung Vũ Tuấn A đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị B, anh K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Vũ Văn K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 22/6/2001 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Hải Dương hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Ánh T – sinh ngày 02/3/2003 cho chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Vũ Tuấn A đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Chị Phạm Thị B phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002203 ngày 16/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải